FireAnt

Tổng CTCP Xây dựng điện Việt Nam (HSX: VNE)

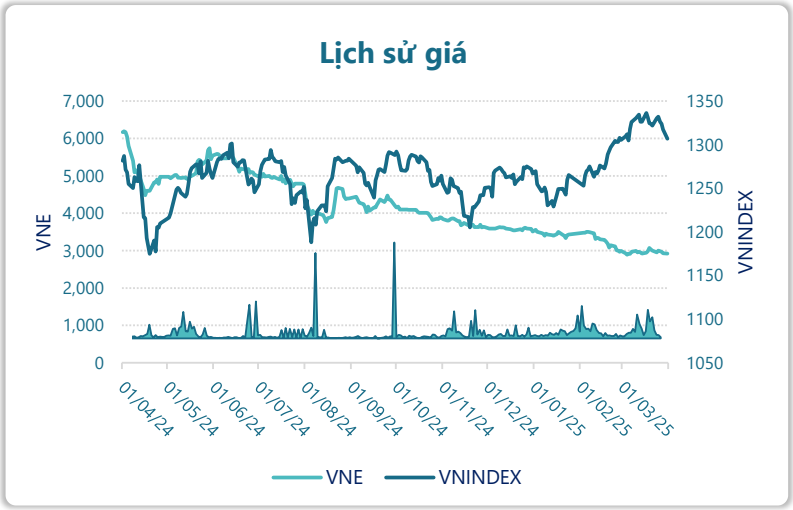

Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**2,920**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	6,190
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,890
SL cổ phiếu LH	82,055,233
KLGD BQ 20 phiên (CP)	131,210
% sở hữu nước ngoài	0.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	240
P/E	-1.0
EPS	-2,972

DT thuần

Q1/25

65.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▼159| -70.7%

YoY: ▼98.1| -59.8%

LN sau thuế

Q1/25

-23.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 103| 81.4%

YoY: ▼25.0| -1706%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

-14.1%

+/- YoY: ▼ 23.9%

DT thuần

2024

701

tỷ VNĐ

YoY: ▼357| -33.8%

LN sau thuế

2024

-266

tỷ VNĐ

YoY: ▼238| -831%

ROE

2024

-29.3%

+/- YoY: ▼ 27.5%

Kết quả kinh doanh

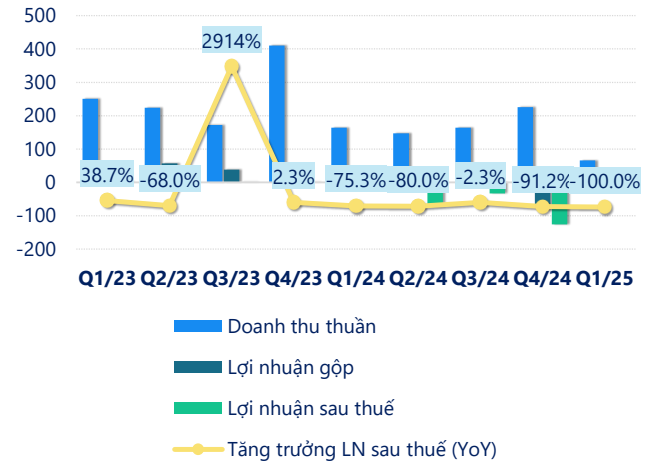

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

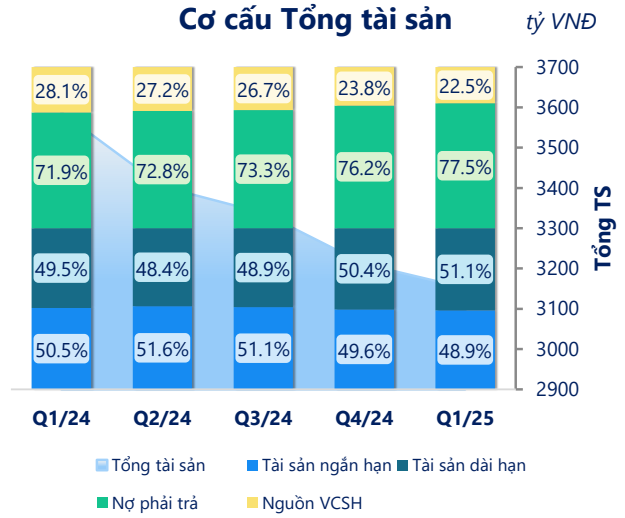

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

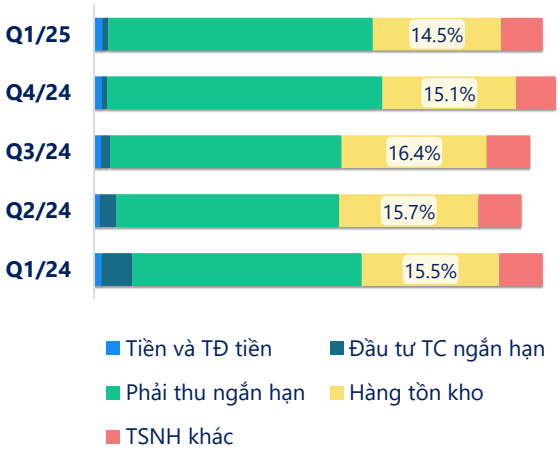

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

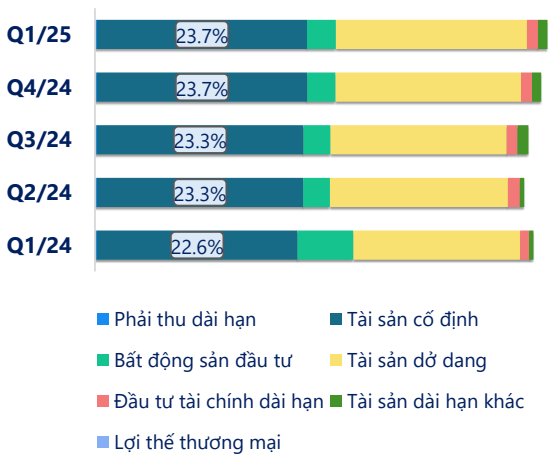

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

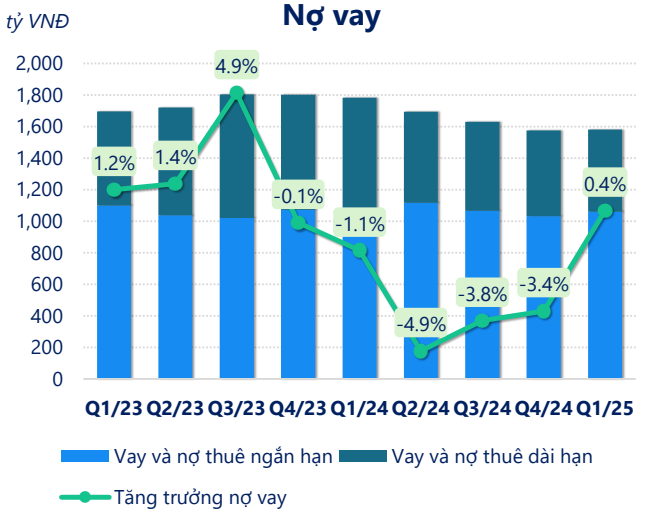

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

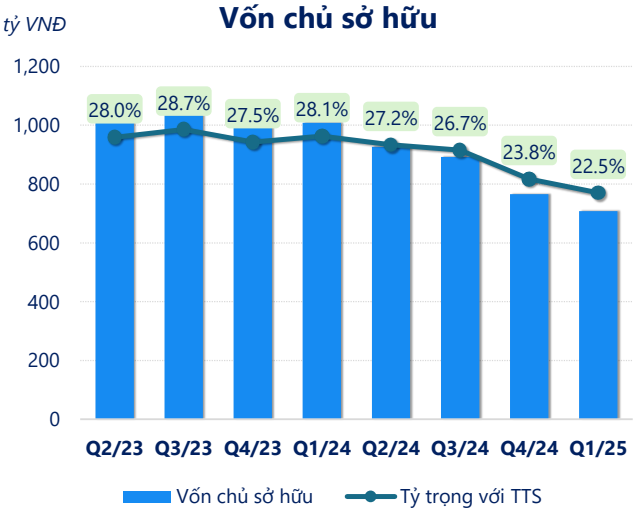

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

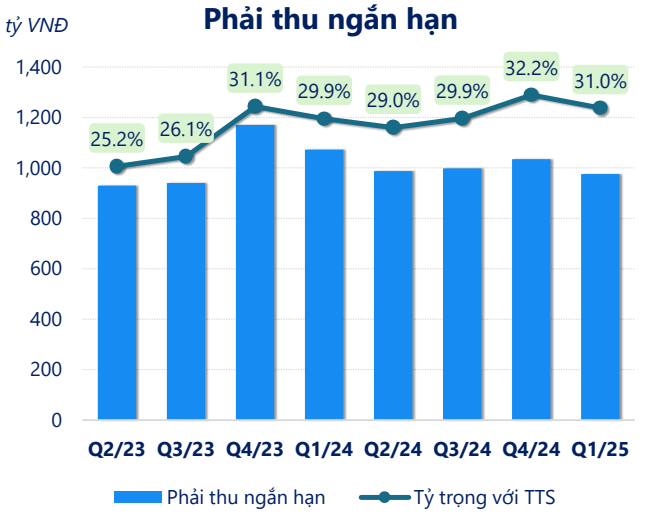

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

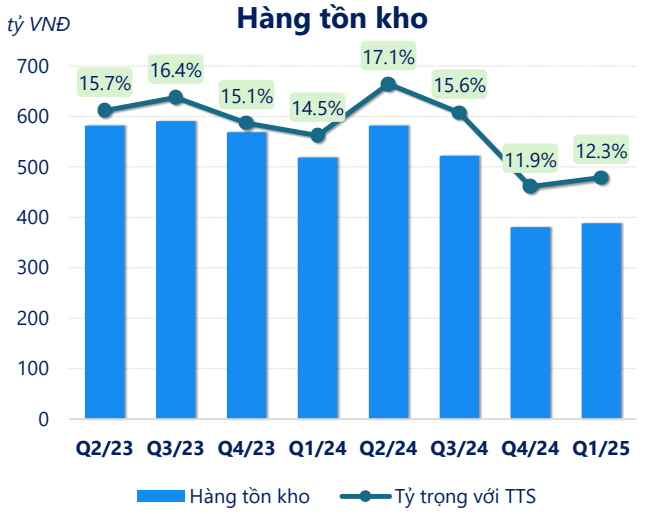

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

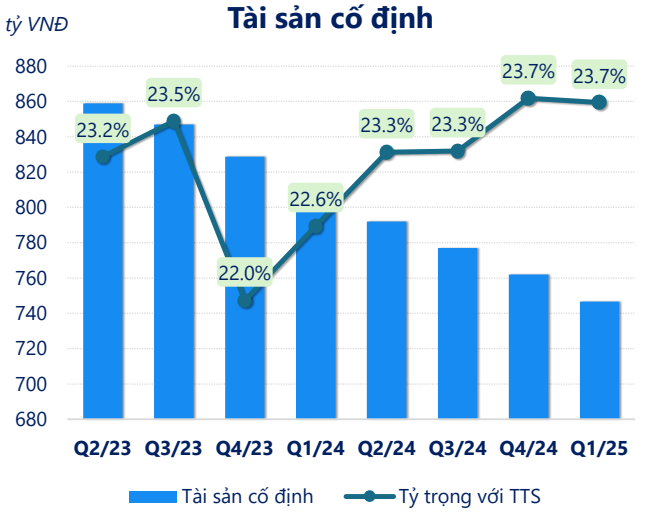

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

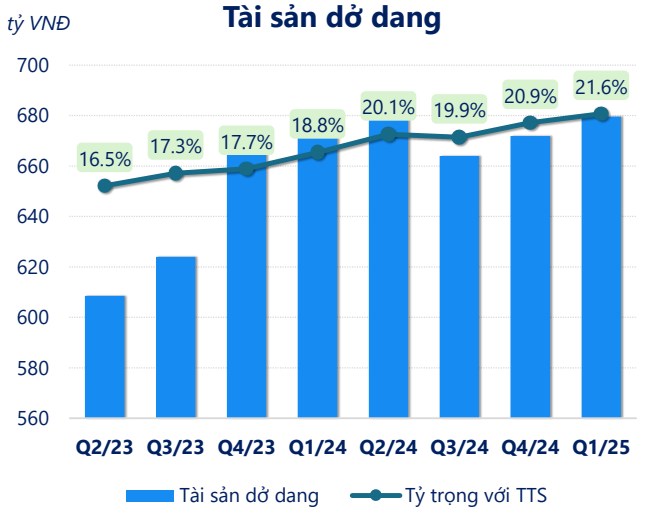

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

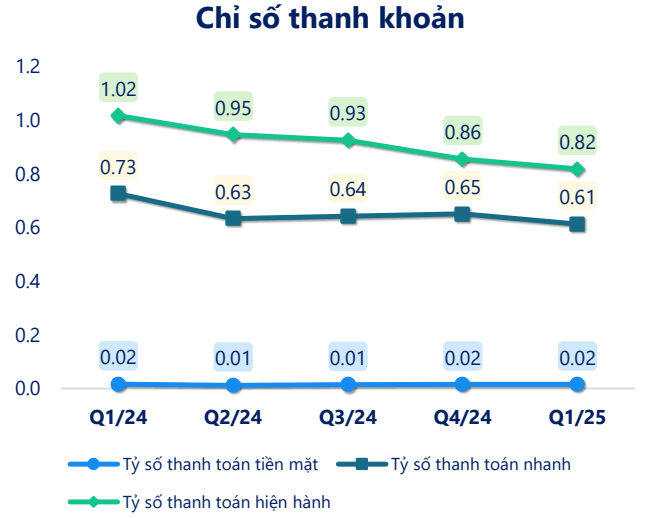

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

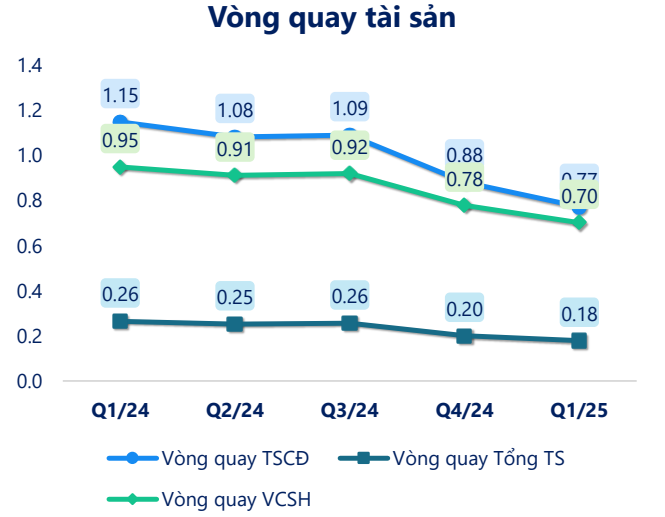

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**3,588**	**3,403**	**3,338**	**3,211**	**3,152**
Tài sản ngắn hạn	**1,813**	**1,755**	**1,706**	**1,594**	**1,543**
Tiền và tương đương tiền	28.9	21.6	26.0	28.1	28.6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	24.1	9.52	10.1	9.12	9.12
Phải thu ngắn hạn	1,072	987	998	1,035	975
Hàng tồn kho	519	582	522	381	388
Tài sản ngắn hạn khác	169	156	150	141	141
Tài sản dài hạn	**1,775**	**1,648**	**1,632**	**1,617**	**1,609**
Phải thu dài hạn	7.47	7.69	7.74	7.27	7.27
Tài sản cố định	812	792	777	762	747
Bất động sản đầu tư	226	102	102	102	102
Tài sản dở dang	676	684	664	672	680
Đầu tư tài chính dài hạn	35.8	45.3	40.0	39.7	39.8
Tài sản dài hạn khác	17.4	16.7	41.0	34.2	33.3
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**2,580**	**2,477**	**2,446**	**2,445**	**2,444**
Nợ ngắn hạn	**1,783**	**1,855**	**1,844**	**1,863**	**1,885**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,031	1,117	1,066	1,031	1,060
Phải trả người bán ngắn hạn	349	282	322	363	341
Nợ dài hạn	797	622	602	582	558
Vay và nợ thuê dài hạn	752	577	564	543	521
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,008**	**927**	**892**	**766**	**708**
Vốn chủ sở hữu	**1,008**	**927**	**892**	**766**	**708**
Vốn điều lệ	904	904	904	904	904
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)